

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E502

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 17/08/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0167	Nguyễn Thị	Phấn	30/6/2000			
2	TA0168	Lê Hồng	Phong	11/3/2000			
3	TA0169	Trần Nam	Phong	21/6/1999			
4	TA0170	Hà Văn	Phú	28/12/2000			
5	TA0171	Nguyễn Đức	Phú	19/8/1999			
6	TA0172	Nguyen Anh	Phuc	28/1/2001			
7	TA0173	Lê Minh	Phúc	13/2/2000			
8	TA0174	Nguyễn Duy	Phương	27/10/1999			
9	TA0175	Nguyễn Hoàng	Phương	20/3/1999			
10	TA0176	Nguyễn Thị Mai	Phương	16/05/1999			
11	TA0177	Vũ Thị Bích	Phương	10/11/1999			
12	TA0178	Hoàng Phan Bích	Phượng	3/10/2000			
13	TA0179	Nguyễn Thị Bích	Phượng	26/7/2000			
14	TA0180	Lê Huy	Quân	05/10/1998			
15	TA0181	Lường Tú	Quân	22/3/1997			
16	TA0182	Hồ Minh	Quang	18/6/1999			
17	TA0183	Nguyễn Hồng	Quang	22/11/2000			
18	TA0184	Phạm Vinh	Quang	8/7/1999			
19	TA0185	Nguyễn Doãn	Quý	22/10/2000			
20	TA0186	Vũ Văn	Quý	10/9/1998			
21	TA0187	Nguyễn Bảo	Sơn	23/1/2000			

22	TA0188	Nguyễn Hữu	Sơn	13/8/2000			
23	TA0189	Phạm Đăng Thái	Sơn	24/12/1999			
24	TA0190	Trần Đức	Sơn	26/10/1999			
25	TA0191	Trần Thế	Sơn	18/11/1999			
26	TA0192	Nguyễn Công	Tài	7/10/1999			
27	TA0193	Lê Trọng	Thắng	5/4/2000			
28	TA0194	Nguyễn Đức	Thắng	29/1/2000			
29	TA0195	Nguyễn Tiến	Thắng	11/11/2000			
30	TA0196	Phạm Đức	Thanh	10/1/2000			
31	TA0197	Phạm Thanh	Thanh	22/8/1999			
32	TA0198	Hoàng Trung	Thành	15/2/2000			
33	TA0199	Lê Công	Thành	10/11/2000			
34	TA0200	Hoàng Phương	Thảo	21/12/1999			
35	TA0201	Nguyễn Phương	Thảo	18/4/2000			
36	TA0202	Nguyễn Phương	Thảo	20/7/2000			
37	TA0203	Nguyễn Quang	Thế	23/6/1999			
38	TA0204	Vũ Nhật	Thiên	31/3/2000			
39	TA0205	Kiều Văn	Thiện	11/5/1999			
40	TA0206	Nguyễn Thị	Thìn	9/9/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)